



ĐẶC TRƯNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM THỜI KÌ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM*

• PGS.TS VŨ TRỌNG RỸ

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Yêu cầu của công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đối với sự phát triển nhân cách con người Việt Nam

CNH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Theo tác giả Võ Đại Lực¹, kinh nghiệm của các nước cho thấy, có 3 yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự thành công của CNH, đó là:

- Thị trường, bao gồm thị trường trong nước và thị trường thế giới;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Công nghệ và vốn.

Trong ba yếu tố này, yếu tố nguồn nhân lực là yếu tố con người, liên quan trực tiếp đến phát triển nhân cách con người Việt Nam.

CNH không thể không có nguồn nhân lực phù hợp cả về số lượng và chất lượng. Số lượng nguồn nhân lực quy định quy mô của thị trường, đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế nông nghiệp chưa qua CNH như nước ta. Khi tiến hành CNH thì chất lượng, cơ cấu, cơ chế sử dụng nguồn nhân lực lại có tầm quan trọng hơn.

Cơ cấu nguồn nhân lực (lao động) trong quá trình CNH bao gồm: các chính khách; các nhà hoạch định chính sách; các học giả; các nhà kinh doanh, các nhà kĩ thuật và công nghệ; các công nhân lành nghề,...

Không có ba loại lao động trên thì không có

được chiến lược phát triển đúng đắn. Không có các nhà kinh doanh lỗi lạc thì không có người biết sử dụng có hiệu quả vốn, nguồn nhân lực, công nghệ. Không có các nhà kĩ thuật, công nghệ, công nhân lành nghề thì không thể tiếp thu và ứng dụng công nghệ một cách có hiệu quả. Sự thiếu vắng hoặc yếu kém của một trong các bộ phận cấu thành nguồn nhân lực trên đây sẽ có hại cho quá trình CNH. Chất lượng nguồn nhân lực do chính hệ thống giáo dục và chăm sóc sức khỏe quy định.

CNH gắn liền với HĐH cơ bản được thể hiện ở chỗ: khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng dần tỉ trọng trong GDP; ngày càng tăng khả năng áp dụng công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng; tiện nghi trong đời sống, lối sống, cách nghĩ... đều "hiện đại hóa", tức là của ngày hôm nay và trong thế giới ngày mai.

Như trên đã trình bày, nhân tố con người sẽ quyết định sự thành công của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Nói khác đi, sự nghiệp CNH, HĐH đang đặt ra những yêu cầu đối với phát triển nhân cách con người Việt Nam.

Nước ta đang chuyển từ một nước nông nghiệp sang nước công nghiệp nên yêu cầu đầu tiên là phải khắc phục tâm lí nông dân, phong cách nông dân, sản xuất tiểu nông, xây dựng tác phong công nghiệp ở con người Việt Nam. Tác phong công nghiệp là tổ hợp các quan hệ ứng xử của con người với xã hội, tự nhiên, tư duy và với người khác. Đồng thời, phải nhấn mạnh mặt nhân văn, nhân bản của tác phong công nghiệp

(*) Kết quả nghiên cứu của Đề tài: "Định hướng phát triển giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" (Mã số B 2007-CTGD-01) thuộc Chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ. "Phát triển giáo dục - đào tạo Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" của Bộ Giáo dục - Đào tạo giai đoạn 2007-2008.

¹ Võ Đại Lực (chủ biên): CNH, HĐH Việt Nam đến năm 2000, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.

hiện đại Việt Nam: có lí, có tình, nhân nghĩa, thủy chung. Trong thế giới hiện đại, người ta rất chú ý đến giao lưu, giao tiếp giữa người và người. Đối với Việt Nam hiện nay, vấn đề đặt ra là trong sự tác động của kinh tế thị trường, quy luật giá trị thì phải giáo dục như thế nào để xây dựng được tác phong công nghiệp hiện đại trong nhân dân, nhất là trong thanh niên, làm sao hạn chế được tối đa các biểu hiện tiêu cực của kinh tế thị trường để đưa đạo đức xã hội, nhân cách con người đạt trình độ của lí tưởng Chân, Thiện, Mĩ ở tầm cao của thời đại.

Quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải giáo dục hình thành cho con người Việt Nam có các kĩ năng xã hội cần thiết, từ tay nghề, ngoại ngữ đến trình độ văn hóa chung; đạo đức, bản lĩnh để hợp tác và cạnh tranh. CNH, HĐH là chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang cơ cấu mới, trong đó công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò chính, đồng thời cập nhật với trình độ văn minh nói chung, công nghệ nói riêng của thời đại nên đòi hỏi con người phải thích nghi nhanh và tăng khả năng sáng tạo hơn trước đây, phải kết hợp hài hòa khả năng thích nghi với năng lực sáng tạo trên cơ sở giữ được bản sắc dân tộc.

CNH, HĐH đất nước đòi hỏi phải phát triển nhân cách con người Việt Nam theo hướng con người của thời đại công nghiệp với những phẩm chất đặc trưng được trình bày cụ thể dưới đây.

2. Đặc trưng nhân cách con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế

Nghiên cứu đặc trưng nhân cách con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế để xây dựng đường lối, chính sách và các chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, trong đó có chiến lược phát triển giáo dục, có cơ sở khoa học là điều rất cần thiết. Tuy nhiên, đây là công việc rất khó khăn vì nó thuộc phạm vi một bài toán số lớn.

Nghiên cứu đặc trưng nhân cách con người Việt Nam cũng có nghĩa là xác định mô hình nhân cách con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, phải dựa trên những căn cứ sau:

- Những đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH

và hội nhập quốc tế đối với con người Việt Nam:

- Hiện trạng về nhân cách con người Việt Nam nói chung và của thanh, thiếu niên nói riêng hiện nay.

- Kinh nghiệm, truyền thống của cha – ông (dựa vào các giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam đã được các nhà khoa học khẳng định: lòng yêu nước; tính cần cù; tính sáng tạo; tính lạc quan; lòng thương người; đức vì nghĩa²).

- Kinh nghiệm của nước ngoài.

Trong những năm gần đây, có nhiều công trình nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam. Đáng kể nhất là những công trình nằm trong các chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước qua các giai đoạn 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005. Đó là các chương trình KX-07 “Con người Việt Nam-mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế-xã hội” (1991-1995); Chương trình KHXX-04 – “Phát triển văn hóa, xây dựng con người trong thời kì CNH, HĐH đất nước” (1996-2000); Chương trình KX-05 – “Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kì CNH, HĐH đất nước” (2001-2005). Ba chương trình KHCN cấp Nhà nước này đều do GS.TSKH, Viện sĩ Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm. Ngoài ra, còn có một số đề tài cấp Bộ do Trung tâm Nghiên cứu tâm lí học và sinh lí học lứa tuổi thuộc Viện Khoa học Giáo dục thực hiện. Đó là các đề tài: Nghiên cứu xác định các chỉ số sinh lí và tâm lí cơ bản của học sinh Việt Nam (mã số B2001-49-02 TĐ); Nhân cách và nghiên cứu phát triển nhân cách trong tâm lí học hiện nay (đề tài cấp Bộ, mã số B2003-49-50);

a. Một số nét về đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay

Một số nét về đặc điểm nhân cách con người Việt Nam hiện nay được trình bày dưới đây là kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN cấp Nhà nước KX-05-05 “Xây dựng con người Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập” thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX-05, “Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực

² Trần Văn Giàu, Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, NXB TP Hồ Chí Minh, 1993.

thời kì CNH, HĐH đất nước” (2001 – 2005).

Xuất phát từ quan niệm: nhân cách là bộ mặt tâm lí – đạo đức của mỗi con người, đó là toàn bộ đặc điểm, phẩm chất tâm lí quy định giá trị xã hội và hành vi xã hội của người đó, nhóm nghiên cứu của đề tài KX-05-05 đã tiến hành điều tra, khảo sát nhân cách theo cấu trúc gồm 4 bộ phận:

Thứ nhất, xu hướng của nhân cách: đó là hệ thống những động lực thúc đẩy, quy định tính lựa chọn của các thái độ và tính tích cực của con người.

Thứ hai, những khả năng của nhân cách: bao gồm một hệ thống các năng lực, đảm bảo cho sự thành công của hoạt động.

Thứ ba, phong cách hành vi của nhân cách: phong cách cũng như các đặc điểm tâm lí trong hành vi của nhân cách là do tính cách và khí chất của nhân cách ấy quy định.

Thứ tư, hệ thống điều khiển của nhân cách: hệ thống này thường được gọi là “tự ý thức” của nhân cách, nó thực hiện sự tự điều chỉnh – tăng cường hay làm giảm bớt hoạt động, tự kiểm tra, sửa chữa các hành vi và hành động, dự kiến và hoạch định cuộc sống và hoạt động của cá nhân.

Các bộ phận trên trong cấu trúc nhân cách được sắp xếp thành hai mặt thống nhất với nhau: đức và tài, hoặc phẩm chất và năng lực, dưới sự chỉ đạo của ý thức bản ngã.

Phương pháp điều tra ở đây là phương pháp trắc nghiệm tâm lí kết hợp với phương pháp Anket. Nhóm tác giả đã dùng trắc nghiệm NEO-PI-R (Revised NEO Personality Inventory) đã được Costa, P.T., Jr. và McCrae, R.R đưa ra năm 1992. Đây là một thước đo gồm 5 đặc tính (lĩnh vực), mỗi đặc tính có 6 mặt và mỗi mặt lại có 8 thành phần, tổng cộng là 240 thành phần. Với giả định về cơ cấu tầng bậc của các đặc tính và các mặt, người ta hi vọng sẽ nắm bắt được nhân cách một cách tổng quát và chi tiết.

Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra một số mặt mạnh, mặt yếu trong nhân cách của thế hệ trẻ ngày nay.

- Mặt tích cực: Nhìn chung, đại bộ phận các nghiệm thể viên đều có được hệ giá trị nhân

cách tích cực, các giá trị nhân cách cơ bản, thái độ chính trị đến giá trị nhân sinh quan, như là những điều kiện cần thiết đòi hỏi ở con người đi vào thế giới thời hiện đại – kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, CNH, HĐH, hội nhập, mở cửa.

- Mặt yếu kém: Ở đây, có một số điểm yếu kém trong phát triển nhân cách của thế hệ trẻ mà đại diện là những nghiệm thể viên trong công trình này, đó là:

Thiếu tích cực xã hội, cần tăng cường trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội.

Thiếu khả năng thích ứng và cạnh tranh, niềm tin vào định hướng xã hội chủ nghĩa chưa rõ ràng.

Với hội nhập và mở cửa, nhiều người chưa sẵn sàng, một số lo sợ, một số thờ ơ.

Với CNH, HĐH, nói chung đi vào xã hội công dân, xã hội thông tin, xã hội học tập lưu ý đến các con số sau đây: Gần 1/3 số nghiệm thể viên học sinh, sinh viên chưa có đầy đủ ý thức pháp luật, gần 1/3 chưa sống tích cực, gần 1/3 chưa tích cực tham gia hoạt động xã hội, gần 1/2 chưa dấn thân vào hoạt động mới, gần 1/3 còn có mặc cảm tự ti, gần 1/3 chưa thích ứng với hoàn cảnh mới, gần 1/3 sống chưa ngăn nắp, gần 1/2 có nhịp độ lao động thấp, gần 1/2 chưa ham học, gần 1/2 chưa biết sử dụng máy vi tính, internet.

Hệ giá trị của xã hội chúng ta tiếp tục có nhiều biến đổi rõ rệt. Ít người cảm nhận về khủng hoảng, đảo lộn giá trị nhưng phần lớn cho rằng những biến đổi hệ giá trị, thang giá trị đang diễn ra mạnh mẽ, chưa đi vào thế ổn định. Vấn đề đặt ra là có thể đi vào thế ổn định được không, và có thì bao giờ, phải giáo dục như thế nào để đi vào ổn định?

Biến đổi rõ nét nhất trong hệ giá trị và định hướng giá trị hiện nay của xã hội ta thể hiện trong các “giá trị quá độ” từ: “con người xã hội” sang “con người cá nhân”, từ “con người tập thể” sang “con người cá thể”, “con người đoàn thể” sang “con người gia đình”, “con người phục vụ” sang “con người tồn tại”, từ tồn tại bất ổn sang tồn tại an sinh. Vấn đề đặt ra là các giá trị quá độ có thể chuyển sang hẳn các giá trị của thời kì

phát triển của xã hội công nghiệp hiện đại được không, và nếu có thì bao lâu? Có thể cân đối hài hòa hai “cực” trong nhân cách được không?

Trong mọi sự biến đổi con người của xã hội, chúng ta vẫn giữ được các nhóm giá trị cơ bản như: lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, niềm tin vào bản thân và xã hội. Đây chính là nền tảng và linh hồn của hệ giá trị xã hội và giá trị nhân cách. Các giá trị cơ bản này, nền tảng và linh hồn này gắn liền với lịch sử và công cuộc phát triển hiện đại của đất nước sẽ mở cửa một tương lai tốt đẹp của cả xã hội và từng con người nhưng phải làm sao giữ được nguồn sức mạnh tinh thần vô giá này.

Hiện trạng và xu thế phát triển nhân cách của thanh niên, học sinh và lao động trẻ mang một tiềm năng tâm lực rất phong phú, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Bên cạnh đó, có một số điểm cần khắc phục, giải phóng mọi tiềm năng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng người, cộng đồng và cả xã hội.

b. Mô hình nhân cách con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế

Trên cơ sở tổng hợp và khái quát các căn cứ nêu trên có thể đưa ra mô hình nhân cách con người Việt Nam thích ứng thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế như sau: Đó là một nhân cách được phát triển toàn diện, một nhân cách gắn bó nhịp nhàng, hài hòa giữa ba mặt: nội tâm thống nhất, lành mạnh, ổn định, tích cực; quan hệ với người khác một cách nhân ái, hữu nghị, hợp tác; quan hệ với công việc và sự nghiệp một cách say mê và nhiệt tình, thích ứng và sáng tạo, hiệu quả và thành đạt.

Nếu mô tả một cách chi tiết thì mô hình nhân cách thích ứng với thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế là: Con người có lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; có ý chí kiên cường, có hoài bão lớn lao phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, có tư duy sáng tạo và óc thực nghiệm; có tinh tổ chức và kỉ luật, tinh thần

trách nhiệm cao và trung thực; có lòng nhân ái, tôn trọng và hợp tác được với người khác; có sức khỏe, có khả năng tự hoàn thiện không ngừng, năng động và thích ứng; có tinh thần pháp luật và ý thức công dân, ý thức bảo vệ môi sinh; biết yêu cái đẹp.

3. Giáo dục – con đường phát triển nhân cách con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH và hội nhập quốc tế

Phát triển nhân cách là một trong các nội dung của phát triển con người. Phát triển con người (Human Development), theo tác giả Phạm Minh Hạc, là lĩnh vực của phát triển nói chung, mặt khác là tiêu chí, là mục tiêu của sự phát triển. Bản chất của sự phát triển con người là làm gia tăng giá trị của con người trên các mặt tinh thần, thể chất, đạo đức, kinh tế, kĩ thuật, nghệ thuật, trí tuệ, tình cảm, xã hội, pháp lí v.v...

Trên bình diện xã hội, phát triển con người được xem là hạt nhân của phát triển bền vững. Không thể có phát triển bền vững nếu bỏ qua nhiệm vụ phát triển con người.

Nội dung của phát triển con người thường được phân tích trên 3 lĩnh vực cơ bản: 1) Phát triển thể chất hoặc thể xác, bao gồm các thành tố vật lí và sinh học như sinh thể, thể lực, thể hình, thể năng; 2) Phát triển tâm trí, bao gồm lí trí và trí tuệ, các chức năng nhận thức và logic còn gọi là trí năng; 3) Phát triển tâm hồn, tình cảm bao gồm những chức năng đánh giá, biểu thị thái độ, thể hiện nhu cầu, hay còn gọi là tâm năng.

Các nội dung thứ hai và thứ ba về phát triển con người ở trên là nội dung phát triển nhân cách. Quá trình phát triển con người bao gồm hai thành phần: một là, đầu tư vào con người, hai là động cơ hóa hay huy động tiềm năng và sức mạnh, phát huy tính tích cực cá nhân của con người bằng những tác động và ảnh hưởng khác nhau.

Có nhiều giải pháp phát triển con người, trong đó có giải pháp xã hội – con người có vai trò bao trùm, gắn liền với giáo dục – đào tạo, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội, những giá trị của đời sống gia đình, sinh hoạt văn hóa, giải trí, thể thao, quan hệ xã hội...

Trong giải pháp này, giáo dục - đào tạo có vai trò chủ đạo bởi vì thực chất của giải pháp này là các quá trình xã hội hóa cá nhân.

Hai thành phần trong cơ cấu phát triển con người xét đến cùng đều là đầu tư, chúng khác nhau ở chỗ đầu tư trực tiếp hay gián tiếp. Giáo dục - đào tạo tham gia vào cả hai thành phần và luôn giữ vai trò chủ đạo. Do đó, giáo dục - đào tạo được xem là lĩnh vực đầu tư phát triển và là con đường cơ bản phát triển nhân cách. Chính vì vậy, trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước đã khẳng định: phát triển giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Để phát triển nhân cách con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, giáo dục - đào tạo phải giải quyết hàng loạt vấn đề.

Thứ nhất, cần làm rõ và thực hiện các tính chất của nền giáo dục đã được nêu ra trong Luật Giáo dục. Đó là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Những tính chất này bao trùm trong toàn bộ hệ thống và hoạt động giáo dục.

Thứ hai, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài - nhiệm vụ chung của giáo dục - đào tạo. Dân trí là một nền tảng để có được và phát triển được nhân lực và nhân tài. Giáo dục - đào tạo trước hết phải xây dựng được nền tảng đó. Nhân lực và nhân tài chỉ là một bộ phận của dân trí và nhân tài chỉ là một bộ phận ưu tú nhất trong nhân lực, tuy bộ phận này giữ vai trò quan trọng trong quá trình CNH, HĐH. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trên nền tảng nhân cách con người Việt Nam. Chính con người Việt Nam với nhân cách của họ quyết định trình độ dân trí, chất lượng và quy mô của nguồn nhân lực, ý nghĩa và hiệu quả của những tài năng.

Thứ ba, đổi mới cơ bản nội dung và phương pháp giáo dục. Về nội dung giáo dục, cần được đổi mới về các mặt tổ chức, thành phần và giá trị. Về mặt tổ chức, nội dung được cơ cấu thành các lĩnh vực học tập và rèn luyện, được phản ánh ở hệ thống các hoạt động trong môn học và ngoài

môn học, vừa có tính chất tích hợp, vừa có tính chất phân hóa. Sự kết hợp, phân hóa và tích hợp nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, nâng cao dân trí, đảm bảo nâng cao, khuyến khích năng khiếu, sở trường cá nhân, tạo ra sự phù hợp nghề đa dạng trong nguồn nhân lực và khuynh hướng phát triển đa dạng của tài năng.

Về thành phần và nội dung giáo dục, cần nghiêng về tri thức ứng dụng, các kĩ năng hành động, các kĩ năng và hiểu biết xã hội, tri thức về công nghệ và kinh tế, về bản thân con người và đời sống con người, về tài nguyên và môi trường, kĩ năng học tập và độc lập học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, xử lí tình huống, kĩ năng chung sống và khoan dung, thái độ trách nhiệm đối với xã hội và bản thân.

Về mặt giá trị, nội dung giáo dục cần phản ánh được các xu thế chính của sự chuyển đổi giá trị trong vòng hai ba chục năm tới, phù hợp với yêu cầu của những năm 2011 - 2020.

Về phương pháp giáo dục, đổi mới theo hướng dựa vào hoạt động của người học và các quan hệ và môi trường học tập cởi mở, dân chủ, nhân văn; dựa vào các phương thức giao tiếp tích cực như hợp tác, tham gia; dựa vào các phương tiện kĩ thuật hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc, *Về phát triển toàn diện con người thời kì CNH, HĐH*, NXB Chính trị Quốc gia, 2001.
2. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), *Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực thời kì CNH, HĐH*. NXB Chính trị Quốc gia, 2007.
3. Võ Đại Lương (Chủ biên), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam đến năm 2000*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
4. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. NXB TP Hồ Chí Minh, 1993.

SUMMARY

The article discusses the characteristics of the Vietnamese in the tome of industrialization, modernization and internationalization. In this the author presents: 1/ Requirements of industrialization, modernization and internationalization on the personality development by Vietnamese; 2/ Characteristics of Vietnamese personality; 3/ Education of the way to develop the Vietnamese personality meeting the needs of industrialization, modernization and internationalization.